

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YK-TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 03/2017/DS-ST

Ngày 14/9/2017

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YK - TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Cương.

- Bà Phạm Thị Kim Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 14/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 12/2017/TLST-DS ngày 10/7/2017 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXX-ST ngày 28/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng bà Phạm Thị O sinh năm 1963 và ông Trần Văn Q sinh năm 1960; địa chỉ xóm 9, xã T, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; bà O có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Q: Bà Phạm Thị O sinh năm 1963; địa chỉ xóm 9, xã T, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/8/2017); có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn K sinh năm 1956; địa chỉ xóm 18, xã T, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người có quyền lợi liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn: Bà Bùi Thị N sinh năm 1958; địa chỉ xóm 18, xã T, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2017 được bổ sung tại biên bản hòa giải ngày 09/8/2017 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà O trình bày: Năm 2005 vợ chồng bà O có mua của vợ chồng ông K bà Y (bà Y đã chết năm 2006) 5.000 kg lúa tẻ thường loại lúa “tạp giao”, với giá 2.250 đồng/kg; tổng số tiền vợ chồng bà O phải trả cho vợ chồng ông K là 11.250.000 đồng và vợ chồng bà O đã trả đủ 11.250.000 đồng cho vợ chồng ông K. Về phía ông K phải trả lúa cho vợ chồng bà O, tính đến ngày 26/6/2006 vợ chồng ông K bà Y còn nợ số lúa “tạp giao” chưa trả cho vợ chồng bà O là 2.300 kg; năm 2007 ông K xây dựng gia đình với bà N và vợ chồng ông K bà N tiếp tục trả cho vợ chồng bà O tất cả 5 lần với tổng số lúa là 716 kg. Hiện tại ông K còn nợ của vợ chồng bà O số lúa tẻ thường (lúa tạp giao) chưa trả là 1.584 kg.

Nên bà O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K phải trả tiếp cho vợ chồng bà O ông Q số lúa tẻ thường (lúa tạp giao) còn lại chưa trả là 1.584 kg.

Tại bản tự khai ngày 14/9/2017 cũng như tại phiên tòa bà O đại diện cho ông Q theo ủy quyền trình bày: Năm 2005 vợ chồng bà O và ông Q có mua của vợ chồng ông K 5.000 kg lúa tẻ thường (lúa tạp giao), với giá là 2.250 đồng/kg, vợ chồng bà O và ông Q đã trả đủ số tiền mua lúa cho vợ chồng ông K bà Y là 11.250.000 đồng; hiện nay ông K còn nợ số lúa “tạp giao” chưa trả cho vợ chồng ông Q là 1.584 kg. Ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K phải trả đủ số lúa trên là 1.584 kg cho vợ chồng ông Q.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 09/8/2017 cũng như tại phiên tòa bị đơn là ông K trình bày: Ngày 25/5/2005 vợ chồng ông K bà Y có bán cho vợ chồng bà O 5.000 kg lúa tẻ thường (lúa tạp giao), việc vợ chồng bà O trả tiền mua lúa cho bà Y như thế nào ông K không biết, ông K chỉ lấy tiền bán lúa của bà O có một lần với số tiền khoảng từ 2 triệu đồng đến 3 triệu đồng. Về việc vợ chồng ông K và bà Y trả lúa cho vợ chồng bà O, thì theo sổ gốc mà bà Y sau khi chết để lại, thì tính đến ngày 26/6/2006 (thời điểm bà Y vợ ông K chết), vợ chồng ông K bà Y còn nợ số lúa tạp giao chưa trả cho vợ chồng bà O là 2.300 kg. Năm 2007 ông K xây dựng gia đình với bà N, theo sổ trả nợ lúa của bà N thì bà N tiếp tục trả cho bà O tất cả là 5 lần với tổng số lúa là 716 kg. Như vậy, hiện nay ông K còn nợ số lúa tạp giao chưa trả cho vợ chồng bà O là 1.584 kg. Nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông K còn phải trả lúa mà vợ chồng ông K đã bán cho nhiều chỗ khác nữa, nên ông K không thể trả ngay một lúc hết số lúa cho bà O được, ông K đề nghị được trả dần số lúa còn lại cho bà O theo hình thức trả dần, mỗi năm ông K trả cho bà O 100 kg lúa, cho đến khi trả đủ số lúa còn lại cho bà O.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 09/8/2017 cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan là bà N trình bày: Việc mua bán lúa giữa ông K với bà O thế nào thì bà N không biết. Năm 2007 sau khi bà Y chết, ông K có xây dựng gia đình với bà N, thì bà N có được nghe trước đó ông K có bán 5.000 kg lúa cho bà O; tại thời điểm bà N về làm vợ ông K thì ông K còn nợ của bà O là 2.300 kg lúa; sau đó bà N cùng với ông K đã trả cho bà O tất cả 5 lần với tổng số lúa là 716 kg, cụ thể như sau:

- Ngày 23/9/2007 trả 270 kg.
- Ngày 28/5/2010 trả 100 kg.
- Ngày 23/9/2010 trả 96 kg.
- Ngày 29/3/2011 trả 100 kg.
- Ngày 11/5/2012 trả 150 kg.

Như vậy, hiện nay ông K còn nợ số lúa chưa trả cho bà O là 1.584 kg.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

Vợ chồng bà O và ông Q khởi kiện đối với ông K về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc khởi kiện của vợ chồng bà O và ông Q là đúng pháp luật. Ông K có hộ khẩu thường trú tại thôn 18, xã T, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc Tòa án nhân dân huyện YK thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà O và ông Q:

Theo lời khai của bà O là nguyên đơn và là người đại diện cho ông Q; lời khai của bị đơn là ông K và lời khai của người có quyền lợi liên đến vụ án là bà N cũng như biên bản hòa giải của Tòa án ngày 09/8/2017 và tại phiên tòa, các bên đương sự đều xác định là năm 2005 giữa vợ chồng ông K và vợ chồng bà O ông Q có thỏa thuận với nhau về việc vợ chồng ông K có bán cho vợ chồng bà O ông Q 5.000 kg lúa tẻ thường (loại lúa tạp giao). Như vậy, thỏa thuận trên giữa vợ chồng ông K với vợ chồng bà O ông Q là hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

Về giá và phương thức thanh toán: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, giá lúa tạp giao do hai bên thỏa thuận tại thời điểm mua bán (năm 2005) là 2.250 đồng/kg. Như vậy, tổng số tiền mua lúa mà vợ chồng bà O ông Q phải trả cho vợ chồng ông K là 11.250.000 đồng. Theo lời khai của bà O thì vợ chồng bà O đã trả đủ 11.250.000 đồng cho vợ chồng ông K bà Y; phía ông K khai ông K có nhận 01 lần với số tiền khoảng từ 2 triệu đồng đến 3 triệu đồng, số tiền còn lại là do bà Y Nhận như thế nào ông K không biết. Như vậy, cũng có đủ căn cứ xác định là vợ chồng bà O ông Q đã trả đủ tiền mua lúa tạp giao cho vợ chồng ông K bà Y với số tiền là 11.250.000 đồng vào thời điểm mua lúa là năm 2005.

Về việc giao tài sản (lúa tạp giao) cho bên mua: Theo chứng cứ là tài liệu viết tay do bà O cung cấp cho Tòa án, được ông K và bà N cùng thừa nhận tại biên bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 04/8/2017 cũng như tại phiên tòa, tính đến ngày 26/6/2006 thời điểm bà Y (vợ ông K) chết, thì số lúa lúa tạp giao mà vợ chồng ông K bà Y còn lại chưa giao cho vợ chồng bà O ông Q là 2.300 kg. Tiếp đến từ năm 2007, sau khi ông K xây dựng gia đình với bà N thì vợ chồng ông K bà N đã giao tiếp số lúa tẻ thường cho vợ chồng bà O và ông Q được tất cả là 05 lần với tổng số lúa tẻ thường đã trả là 716 kg. Hiện tại cả nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan đều xác nhận, số lúa tạp giao ông K còn nợ chưa giao cho vợ chồng bà O ông Q là 1.584 kg.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 2 Điều 434 của Bộ luật Dân sự, do bà Y vợ chồng K đã chết, nên Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Oanh ông Q, buộc ông Phạm Văn K phải giao tiếp 1.584 kg lúa tạp giao đã bán cho vợ chồng bà O ông Q.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông K bị Tòa án xử phải giao tiếp 1.584 kg lúa tẻ thường cho vợ chồng bà O ông Q, với giá lúa tẻ thường hiện nay do hai tự bên thỏa thuận ngày 09/8/2017 là

5.500 đồng/kg, thành tiền là 8.712.000 đồng, nên ông K phải nộp 435.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho vợ chồng bà O với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 430, khoản 2 Điều 434 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1 Về yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà O ông Q: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Phạm Thị O và ông Trần Văn Q, buộc ông Phạm Văn K phải giao tiếp số lúa đã bán cho vợ chồng bà Phạm Thị O và ông Trần Văn Q là 1.584 kg lúa tẻ thường (lúa tạp giao).

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Phạm Văn K phải nộp 435.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Phạm Thị O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001704 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan đến vụ án đều có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực